TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 304/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 20/3/2026
Về việc "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thụy Hồng Châu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Thanh Thúy

2. Ông Đặng Khắc Di

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Vũ Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Phương Sang, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh (cơ sở 1) xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 401/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2025 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 850/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/12/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 66/2026/QĐST-HNGĐ ngày 28/01/2026 và quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/02/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Thế T**, sinh ngày 09/10/1993. Căn cước công dân số 001093039324 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 10/01/2023. Nơi thường trú: P504 X2 TT L, phường N (trước đây là phường C, quận B), Thành phố Hà Nội (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà **Trương Hoàng Tường M**, sinh ngày 21/10/1994. Căn cước công dân số 079194027910 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 26/10/2021. Thường trú: B124/6 B, phường T (trước đây là: Phường B, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn Ông Lê Thế T trình bày: Ông T và bà M tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại UBND Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 25, cấp ngày 11/3/2022. Trong quá trình chung sống được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cách sống, cách suy nghĩ về gia đình. Hai bên dần mất đi sự thấu hiểu, không tìm được tiếng nói chung khiến cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Do

các mâu thuẫn ngày càng trở nên nghiêm trọng, hai bên không thể tìm cách giải quyết dẫn đến tình cảm vợ chồng bị rạn nứt, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T yêu cầu được ly hôn với bà M để ổn định cuộc sống.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông T khai không có.

Bị đơn bà Trương Hoàng Tường M mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tham gia phiên tòa (Biên bản ngày 7/11/2025 niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý và giấy triệu tập về việc đến Tòa án trình bày ý kiến; biên bản ngày 02/12/2025 niêm yết hợp lệ thông báo tham gia phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải; biên bản ngày 08/01/2026 tống đạt Thông báo về kết quả phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử; Biên bản ngày 27/02/2026 tống đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bà M vẫn không có mặt để trình bày ý kiến của mình.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Lê Thế T có đơn xin xét xử vắng mặt và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Trương Hoàng Tường M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà M.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thông qua việc kiểm sát giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thực hiện tống đạt các quyết định cho các bên đương sự đầy đủ. Thẩm phán thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án các đương sự thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 25 do UBND Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/3/2022 thì quan hệ hôn nhân của ông T và bà M là hợp pháp. Tòa án nhiều lần triệu tập nhưng bà M không có mặt, không có thiện chí hòa giải đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T, được ly hôn với bà M. Về con chung: Không có. Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có. Do ông T khai hai bên không có con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Ông Lê Thế T có đơn khởi kiện về việc ly hôn với bà Trương Hoàng Tường M có địa chỉ: B124/6 B, phường T (trước đây là: Phường B, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 25 do Uỷ ban nhân dân Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11/3/2022 thì quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà M là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

[3] Về sự có mặt của các đương sự: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Xét yêu cầu của ông Lê Thế T ly hôn bà Trương Hoàng Tường M. Nhận thấy: Theo ông T trình bày ông và bà M kết hôn hợp pháp, quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cách sống, cách suy nghĩ về gia đình, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Về phía bà M, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng cho bà M nhưng bà M không có mặt và không có văn bản trình bày ý kiến theo quy định pháp luật cho thấy bà M không quan tâm đến việc hòa giải đoàn tụ với ông T, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, hiện nay vợ chồng không còn sống chung với nhau. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông T là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về con chung : Ông T khai không có.

[6] Về tài sản chung: Ông T khai không có.

[7] Về nợ chung: Ông T khai không có.

[8] Về án phí: Theo khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được tính vào tạm ứng án phí do ông T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022893 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thế T:

- Về hôn nhân: Ông Lê Thế T được ly hôn với bà Trương Hoàng Tường M.

- Về con chung: Ông T khai không có.

- Về tài sản chung: Ông T khai không có.

- Về nợ chung: Ông T khai không có.

2. Về án phí: Ông Lê Thế T phải chịu án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) được tính vào tạm ứng án phí do ông T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0022893 ngày 03/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014). Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TANDTP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 4-TP.HCM;
- Phòng THADS khu vực 4-TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thụy Hồng Châu